TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 175/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2023
V/v: Tranh chấp ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Ngọc Thảo.
2. Ông Lê Văn Tập.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2023 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07/8/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Phạm Thị P – sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)

***2. Bị đơn*:** Ông Nguyễn Trường S – sinh năm 1981
Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày*:**

Bà và ông Nguyễn Trường S đã tự nguyện chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2004 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm không còn nên bà P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Trường S có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 13/5/2005 và cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 06/4/2010, hiện nay các cháu đang ở với mẹ. Bà P có

nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trường A và giao cháu Nguyễn Thị Kim O cho cha chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Trường S**: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Trường S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:***

Ông Nguyễn Trường S có thường trú tại Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Trường S phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ nên không cung cấp. Nay bà P làm đơn xin ly hôn ông Nguyễn Trường S thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 13/5/2005 và cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 06/4/2010. Hiện nay các cháu đang sống với mẹ là bà Phạm Thị P.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Trường S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 06/4/2010 cho mẹ là Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 13/5/2005 đã thành niên nên việc cháu O ở với cha hay mẹ là do cháu quyết định, vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Trường S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Phạm Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Trường S, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp về ly hôn và con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Trường S vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Trường S là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Trường S đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/6/2004, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, nên giữa bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Trường S xảy ra mâu thuẫn. Bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Trường S.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Trường S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà Phạm Thị P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trường S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Trường S có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 13/5/2005 và cháu Nguyễn Trường A sinh, ngày 06/4/2010, hiện nay các cháu đang ở với mẹ. HĐXX xét thấy bà P có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trường A cho đến tuổi trưởng thành. Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao con chung là cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 06/4/2010 cho mẹ là Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 13/5/2005 đã thành niên nên cháu O ở với cha hay mẹ là do cháu quyết định, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Trường S.

- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 06/4/2010 cho mẹ là bà Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ tuổi thành niên.

Cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 13/5/2005 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Trường S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị P không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị P không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Phạm Thị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2022/0002034 ngày 19 tháng 5 năm 2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- UBND phường T, TP. B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Đông